

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 91/2023/HS-ST

Ngày: 19-6-2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Thanh Quyên

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Vượng

Bà Nguyễn Thị Biên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lương Thị Thu Trang – Thư ký TAND thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện VKSND thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Huệ, bà Nguyễn Minh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc xét xử kín vụ án hình sự thụ lý số 73/2023/HSST ngày 15/5/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2023/QĐXXST – HS ngày 25/5/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn N**, sinh năm 2001; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã D, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 7/12; Bố: Nguyễn Văn K, sinh năm 1980; Mẹ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là thứ nhất; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/01/2023. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang và có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:* Cháu Trần Thị Mai C, sinh ngày 20/02/2007 (Xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

-*Người giám hộ của cháu C:*

Anh Trần Huy H, sinh năm 1983 (Xin xét xử vắng mặt)

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu C: Bà Giáp Thị H - Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Giang (Xin xét xử vắng mặt).

-Đại diện Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ chí Minh xã T, huyện Lạng Giang: Bà Ngô Phương T – Bí thư Chi đoàn (Xin xét xử vắng mặt)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1953 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

2. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã D, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

3. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã D, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 01 năm 2023, cháu Trần Thị Mai C, sinh ngày 20/02/2007, trú tại Thôn T, xã T, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang là học sinh lớp 10A3 trường Cao đẳng kỹ thuật công nghiệp Bắc Giang có quen biết và kết bạn qua mạng xã hội facebook với Nguyễn Văn N, sinh năm 2001, trú tại thôn T, xã D, thành phố Bắc Giang. Thời điểm này, N vừa hoàn thành nghĩa vụ quân sự, xuất ngũ trở về địa phương. Ngày 11/01/2023, N đặt vấn đề quan hệ tình cảm với cháu C thì cháu C đồng ý.

Khoảng 08 giờ ngày 18/01/2023, cháu C rủ N đi ăn tất niên ở nhà bạn là Vũ Hà L, sinh năm 2001 ở tổ dân phố P, phường D, thành phố Bắc Giang. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày sau khi ăn uống xong, N rủ cháu C đi chơi. N điều khiển xe mô tô biển số 98B3-647.81 chở cháu C ngồi sau đi trên đường vòng quanh khu đô thị Bách Việt. N nảy sinh ý định muốn quan hệ tình dục với cháu C nên rủ vào nhà nghỉ ngủ thì cháu C đồng ý. N đi xe chở cháu C vào nhà nghỉ Suối Hoa, địa chỉ số 58, đường Lương Văn Năm, phường Đình Kế, thành phố Bắc Giang. Tại đây, N gặp ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1953 là quản lý nhà nghỉ. N đặt thuê phòng và được ông Hải đưa cho chìa khóa phòng 303 trên tầng 3. N đưa cháu C vào trong phòng 303 rồi cùng nằm trên giường. N ôm hôn và cắn vào cổ, vào miệng cháu C. Cháu C hiểu ý N muốn quan hệ tình dục nên đồng ý. Sau đó, N cởi quần áo của cháu C và quần áo của N ra để trên giường. N giao cấu với cháu C và xuất tinh ra chiếc

khăn màu trắng để ở đầu giường. Sau khi giao cấu xong, lần lượt N và cháu C đi vệ sinh cá nhân. Sau đó, N nằm ngủ còn cháu C nằm xem điện thoại trên giường.

Một lúc sau, Nguyễn Văn N tỉnh dậy và quay sang ôm, hôn cháu C rồi cởi quần áo cháu C đang mặc ra. Cháu C hiểu N muốn tiếp tục giao cấu nên đồng ý. N tiếp tục giao cấu với cháu C lần thứ hai và xuất tinh vào Céc khăn màu trắng. Sau đó, N đi xuống thanh toán tiền phòng nghỉ rồi điều khiển xe mô tô chở cháu C ra về. Ngày 19/01/2023, anh Trần Huy H và chị Nguyễn Thị T là bố, mẹ cháu C phát hiện cháu C có vết bầm tím ở cổ nên hỏi thì cháu C kể về việc có quan hệ tình dục với N tại nhà nghỉ.

Ngày 20/01/2023, chị Nguyễn Thị T có đơn trình báo. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Giang triệu tập Nguyễn Văn N đến làm việc thì N đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội.

Tiến hành kiểm tra dấu vết thân thể cháu C thấy vùng cổ có 03 vết bầm tím kích thước lần lượt là 2 x 0,5 cm; 2 x 0,5 cm và 1,5 x 1,5cm. Cháu C khai những dấu vết này là do N hôn, cắn vào cổ khi quan hệ tình dục.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định để xác định tổn thương bộ phận sinh dục và trưng cầu giám định ADN trên mẫu thu dịch trong âm đạo của cháu Trần Thị Mai C.

Bản kết luận giám định Pháp y đối với trẻ em bị hoặc nghi bị xâm hại tình dục số 1190 ngày 27/01/2023 của Trung tâm Pháp y – Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang kết luận:

- Màng trinh: Giãn rộng, rách cũ vị trí 3 giờ, 6 giờ.
- Hiện tại Trần Thị Mai C không có thai.
- Xét nghiệm dịch âm đạo: Không thấy hình ảnh tinh trùng.

Bản kết luận giám định Pháp y về ADN số 96 ngày 03/02/2023 của Viện pháp y quốc gia kết luận:

Không thu được dữ liệu ADN N giới từ mẫu dịch âm đạo của Trần Thị Mai C trên các locus STR và Y-STR đã phân tích nên không thể so sánh với ADN của Nguyễn Văn N.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 04 đoạn video được trích xuất từ hệ thống camera của nhà nghỉ Suối Hoa ghi lại hình ảnh N và cháu C đến thuê phòng ngày 18/01/2023 và trưng cầu giám định.

Kết luận giám định số 252/KL-KTHS ngày 15/02/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

- Không phát hiện dấu vết cắt ghép nội dung hình ảnh trong các file video cần giám định được lưu trữ trong 04 đĩa DVD-R

- Trích xuất được 22 hình ảnh thể hiện diễn biến sự việc trong các file video gửi giám định.

Cơ quan điều tra đã cho cháu C và N xác định hiện trường. Kết quả cháu C và N đều xác định vị trí N thực hiện hành vi giao cấu với cháu C trên giường tại phòng 303 nhà nghỉ Suối Hoa.

Cơ quan điều tra đã tiến hành cho N thực nghiệm điều tra tại hiện trường. Kết quả N thực hiện các tư thế, động tác thực hiện hành vi giao cấu với cháu C như đã khai.

Tại bản cáo trạng số 90/CT - VKS ngày 15/5/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn N ra trước Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang để xét xử bị cáo về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà: Bị cáo Nguyễn Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Viện kiểm sát truy tố bị cáo là không oan, bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình là sai, bị cáo rất hối hận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Về phần trách nhiệm dân sự, bị cáo đã tác động tới gia đình bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 20.000.000 đồng, số tiền trên là của bị cáo, bố mẹ bị cáo đứng ra bồi thường thay cho bị cáo do bị cáo bị tạm giữ, tạm giam. Đối với 01 chiếc quần bò và 01 chiếc áo khoác bằng vải bị cáo giao nộp khi đầu thú đến nay bị cáo đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật, không đề nghị được xin lại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu C vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản luận cứ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo và gia đình đã bồi thường cho cháu C và gia đình số tiền 20.000.000 đồng. Đến nay cháu C và gia đình không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh K, chị H xác định số tiền 20.000.000 đồng anh chị bồi thường cho cháu C và gia đình cháu C là tiền của bị cáo N do bị cáo N khi xuất ngũ được Nhà nước chi trả một phần và một phần là tiền của bị cáo N lao động mà có trước khi đi nghĩa vụ quân sự. Anh chị chỉ đứng ra bồi thường thay cho bị cáo do bị cáo bị tạm giữ, tạm giam nên không trực tiếp bồi thường được cho bị hại và gia đình bị hại.

Bị hại, người giám hộ của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được Hội đồng xét xử công bố lời khai. Bị cáo N không có ý kiến gì về những lời khai đó.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

-Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự .

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 03 năm đến 03 năm 6 tháng tù về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 20/01/2023.

-Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người giám hộ của bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên về trách nhiệm dân sự không xem xét trong vụ án này.

-Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

-Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc quần bò màu đen, rách hai bên đầu gối; 01 áo khoác bằng vải màu đen trắng, size 4XL; 01 áo khoác lông màu đen trắng và 01 quần vải màu đen.

Ngoài ra, cần áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, bị hại, người giám hộ của bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan Cảnh sát Điều tra công an thành phố Bắc Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang, Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình Điều tra và tại phiên tòa bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành

vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị hại, người giám hộ của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bị hại, người giám hộ của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được thông báo triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng trên không ảnh hưởng tới kết quả xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt họ là có căn cứ.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình gây ra. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người giám hộ của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Văn N, sinh năm 2001 có quen biết và quan hệ tình cảm với Trần Thị Mai C, sinh ngày 20/02/2007. Buổi chiều ngày 18/01/2023, N đưa C đến phòng 303 nhà nghỉ Suối Hoa ở số nhà 58, đường Lương Văn Năm, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang nghỉ. Tại đây, N đã hai lần có hành vi giao cấu với C và đều được C đồng ý. Thời điểm N giao cấu với C thì C chưa đủ 16 tuổi.

[4] Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn N đã cấu thành tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”. Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi giao cấu với C. Tại thời điểm thực hiện hành vi giao cấu C mới 15 tuổi 10 tháng 28 ngày trong khi Nguyễn Văn N đã trên 18 tuổi. Việc thực hiện hành vi quan hệ tình dục với C là hoàn toàn có sự đồng tình của hai người, không bên nào ép buộc bên nào, không trái với ý muốn của bị hại. Do vậy, cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang truy tố bị cáo về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, xâm phạm trực tiếp đến quyền được bảo vệ về thân thể, nhân phẩm, danh dự và sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của trẻ em, gây dư luận xấu trong nhân dân, làm ảnh hưởng đến đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục, phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức án phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Về nhân thân: Bị cáo N là người có nhân thân tốt, chưa bị đưa ra xét xử hình sự lần nào.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo N không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội bị cáo cùng gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo còn tự nguyện ra đầu thú, được bị hại, đại diện của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và bị cáo có thời gian 02 năm phục vụ trong quân ngũ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

[9] Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, điều luật đã viện dẫn. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo N mặc dù là người có nhân thân tốt nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, xâm phạm trực tiếp tới thân thể, nhân phẩm, danh dự của bị hại. Do đó, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục bị cáo trở thành người tốt cho xã hội.

Do vậy, cần áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

Bị cáo đang bị tạm giam nên cần tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo công tác thi hành án.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người giám hộ của bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên về trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[11] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

-Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc quần bò màu đen, rách hai bên đầu gối; 01 áo khoác bằng vải màu đen trắng, size 4XL; 01 áo khoác lông màu đen trắng và 01 quần vải màu đen là tài sản của bị cáo và bị hại nhưng không còn giá trị sử dụng.

[12] Đối với ông Nguyễn Văn H có cho N thuê phòng nghỉ nhưng không biết N giao cấu với cháu C nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ. Đối với những chăn ga, vỏ gối, chăn tại phòng nghỉ 303, theo ông H khai đã thay và giặt trong ngày nên Cơ quan điều tra không thu giữ là có căn cứ.

[13] Ngoài ra, cần áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 136; các Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự để buộc bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn N 03 (ba) năm** tù về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 20/01/2023.

-Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc quần bò màu đen, rách hai bên đầu gối; 01 áo khoác bằng vải màu đen trắng, size 4XL; 01 áo khoác lông màu đen trắng và 01 quần vải màu đen.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 136; các Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/NQ – UBTWQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo N phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Báo cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người giám hộ của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (1 b);
- VKSND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND thành phố Bắc Giang(2b);
- T.H.A.(4 b);
- Lưu HS.VP (1 b);
- Công an thành phố Bắc Giang;
- Bị cáo, bị hại, người giám hộ của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lương Thị Thanh Quyên

